TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2018/HS-ST
Ngày 12-11-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Châu.

2. Ông Lý Thanh Chiều.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Ông Danh Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/HSST-QĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thị T1, sinh năm 1967, tại ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp nội trợ; trình độ văn hoá 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn G (chết) và bà Nguyễn Thị C (chết); có chồng Võ Văn H và 05 con, lớn nhất 34 tuổi, nhỏ nhất 22 tuổi; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2018 (bị cáo có mặt).

2. Võ Thị T2 (tên gọi khác: T3), sinh năm 1972, tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp buôn bán; trình độ văn hoá không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T4 (chết) và bà Trần Thị B (chết); có chồng Nguyễn Văn B (tên gọi khác: Út B) và 03 con, lớn nhất 29 tuổi, nhỏ

nhất 10 tuổi; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2018 (bị cáo có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Thùy A (tên gọi khác: T5), sinh năm 1989 (vắng mặt).

2. Huỳnh Thị M, sinh năm 1985 (có mặt).

Cùng cư trú tại: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 40 phút ngày 10 tháng 12 năm 2017, lực lượng công an huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã kiểm tra, bắt quả tang Bùi Thị T1, sinh năm 1967, cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đang tổng hợp phơi đề tại nhà của mình (thuộc ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng). Tang vật thu được gồm 11 (mười một) phơi đề có chữ ký xác nhận của Bùi Thị T1, 01 (một) cây viết mực màu trắng xanh, 01 (một) máy tính hiệu Casio màu vàng đồng, 01 (một) cây thước kẻ, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, tiền Việt Nam là 2.482.000 đồng (hai triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng). Qua làm việc, Bùi Thị T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi bán lô đề nêu trên.

Quá trình điều tra, T1 khai nhận đã nhiều lần bán lô đề cho Võ Thị T2, sinh năm 1972, cư trú ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang và Nguyễn Thị Thùy A, sinh năm 1989, cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng với cách thức chơi như sau:

- Đối với số đề (đầu, đuôi): Người mua chọn 01 số tự nhiên có 02 chữ số bất kỳ (từ 00 đến 99) nếu người mua chọn trùng với 02 số đầu hoặc 02 số cuối của giải đặc biệt trong kết quả xổ số kiến thiết của các đài thuộc các tỉnh Miền Tây thì ngày hôm đó người mua được hưởng số tiền gấp 70 lần so với số tiền khách bỏ ra, nếu người mua chọn không trùng thì mất tiền mua (thua).

- Đối với số lô thường (hai con): Người mua chọn 01 số tự nhiên có 02 chữ số bất kỳ (từ 00 đến 99) mỗi điểm lô chơi nếu là các đài thuộc các tỉnh Miền Tây sẽ thu của người mua là từ 13.000 đồng đến 15.000 đồng và nếu là đài Miền Bắc thì mỗi điểm lô chơi sẽ thu của người mua là 22.000 đồng. Nếu người mua chọn trùng với 02 số cuối của bất kỳ giải nào trong kết quả xổ số kiến thiết của các đài thuộc các tỉnh Miền Tây và Miền Bắc thì ngày hôm đó người mua được trả thưởng số tiền là 70.000 đồng đối với các đài thuộc tỉnh Miền Tây và 80.000 đồng đối với đài Miền Bắc cho 01 điểm lô đã ghi, nếu người mua chọn không trùng thì mất tiền mua.

- Đối với số lô 03 con: Người mua 01 số có 03 chữ số bất kỳ (từ 000 đến 999) mỗi điểm lô chơi nếu là các đài thuộc các tỉnh Miền Tây sẽ thu của người mua là 13.000 đồng và nếu là đài Miền Bắc thì mỗi điểm lô chơi sẽ thu của người mua là 24.000 đồng. Nếu người mua chọn trùng với 03 số cuối của bất kỳ giải nào trong kết quả xổ số kiến thiết của các đài thuộc các tỉnh Miền Tây và Miền Bắc thì ngày hôm đó người mua được trả thưởng số tiền là 600.000 đồng cho 01 điểm lô đã ghi, nếu người mua chọn không trùng thì mất tiền mua.

Sau khi thỏa thuận xong cách chơi nêu trên, ngày 10 tháng 12 năm 2017, T1 đã bán lô đề cho Nguyễn Thị Thùy A, sinh năm 1989, cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, gồm các con số như sau:

- Đài Kiên Giang và Tiền Giang:

+ Số đề 00: Đầu 5000 đồng, đuôi 5000 đồng x 2 đài = 20.000 đồng. T1 cho tiền huê hồng A là 2.000 đồng;

+ Số lô 00: 2000 đồng x 14 x 2 đài = 56.000 đồng;

+ Số đá vòng (02 con) 66 – 52: 1000 đồng x 32 x 2 đài = 64.000 đồng;

+ Số đá vòng (03 con) 03 – 30 – 70: 500 đồng x 96 x 2 đài = 96.000 đồng; 67 – 32 – 96: 500 đồng x 96 x 2 đài = 96.000 đồng; 30 – 68 – 77: 500 đồng x 96 x 2 đài = 96.000 đồng.

Kết quả xổ số A thua cả 2 đài, sau khi trừ tiền huê hồng 2.000 đồng (số đề), A trả đủ cho T1 số tiền là 426.000 đồng.

- Đài Miền Bắc

+ Số lô 00: 3000 đồng x 22 = 66.000 đồng;

+ Số đá vòng (03 con) 00 – 77 – 61: 500 đồng x 66 = 33.000 đồng; 67 – 32 – 96: 500 đồng x 66 = 33.000 đồng.

Tổng cộng 132.000 đồng.

Khoảng 17 giờ 40 cùng ngày, khi bị cáo T1 đang tổng hợp phơi đề đài Miền Bắc tại nhà của mình thì bị Công an huyện M bắt quả tang. Như vậy, ngày 10 tháng 12 năm 2017, T1 và A tham gia đánh bạc với nhau với số tiền là 560.000 đồng.

- Trong ngày 10 tháng 12 năm 2017, ngoài bán số lô cho A thì T1 còn bán lô đề cho nhiều người khác trên địa bàn xã L nhưng không nhớ họ tên, địa chỉ, con số cụ thể mà chỉ nhớ đài Kiên Giang như sau:

+ Số đề: Số tiền là 197.000 đồng;

+ Số lô: Số tiền là 728.000 đồng;

+ Số đá vòng (02 con và 03 con): Số tiền là 424.000 đồng.

Kết quả xổ số người mua trúng được số tiền là 140.000 đồng, an ủi được 50.000 đồng. T1 chưa có chung tiền cho người mua.

Số tiền T1 bán lô đề đài Kiên Giang là 1.539.000 đồng.

Tổng số tiền T1 thu được từ bán số lô đề ngày 10/12/2017 là 2.482.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo T1 khai nhận ngoài việc bán lô đề bị bắt quả tang trong ngày 10 tháng 12 năm 2017, thì bị cáo còn bán lô đề cho Võ Thị T2 cụ thể như sau:

*** Ngày 05 tháng 12 năm 2017:**

- Đài Bạc Liêu:

+ Số đề 11: 100.000 đồng đầu, 100.000 đồng đuôi; số 05: 100.000 đồng đầu, 100.000 đồng đuôi. Tổng cộng 400.000 đồng, trừ tiền huê hồng 72.000 đồng, T1 thu 328.000 đồng;

+ Số lô 11: 100.000 đồng x 13 = 1.300.000 đồng; số 05: 100.000 đồng x 13 = 1.300.000 đồng; số 55: 100.000 đồng x 13 = 1.300.000 đồng. Tổng cộng 3.900.000 đồng.

Tổng số tiền T1 bán lô đề đài Bạc Liêu là 4.300.000 đồng, trừ huê hồng 72.000 đồng, T1 thu 4.228.000 đồng. Kết quả xổ số T2 thua hết số tiền trên. Số tiền bị cáo T1 và T2 dùng vào việc đánh bạc đài Bạc Liêu là 4.300.000 đồng.

- Đài Hà Nội: Số lô 55: 200.000 đồng x 22 = 4.400.000 đồng. Kết quả xổ số T2 trúng được số tiền là 16.000.000 đồng. Số tiền bị cáo T1 và T2 dùng vào việc đánh bạc đài Hà Nội là 20.400.000 đồng.

*** Ngày 06 tháng 12 năm 2017:**

- Đài Sóc Trăng:

+ Số đề 82: 200.000 đồng đầu, 200.000 đồng đuôi. Tổng cộng 400.000 đồng, trừ huê hồng 72.000 đồng, T1 thu 328.000 đồng.

+ Số lô 82: 50.000 đồng x 13 = 650.000 đồng;

Tổng số tiền T1 bán lô đề đài Sóc Trăng là 1.050.000 đồng, trừ huê hồng 72.000 đồng, T1 thu 978.000 đồng. Kết quả xổ số T2 thua hết số tiền trên. Số tiền bị cáo T1 và T2 dùng vào việc đánh bạc đài Sóc Trăng là 1.050.000 đồng.

- Đài Cần Thơ:

+ Số đề 82: 200.000 đồng đầu, 200.000 đồng đuôi. Tổng cộng 400.000 đồng, trừ huê hồng 72.000 đồng, T1 thu 328.000 đồng.

+ Số lô 82: 50.000 đồng x 13 = 650.000 đồng;

Tổng số tiền T1 bán lô đề đài Cần Thơ là 1.050.000 đồng, trừ huê hồng 72.000 đồng, T1 thu 978.000 đồng. Kết quả xổ số T2 thua hết số tiền trên. Số tiền bị cáo T1 và T2 dùng vào việc đánh bạc đài Cần Thơ là 1.050.000 đồng.

*** Ngày 07 tháng 12 năm 2017:**

- Đài An Giang:

+ Số đề 52: 50.000 đồng đầu, 50.000 đồng đuôi. Tổng cộng 100.000 đồng, trừ huê hồng 18.000 đồng, T1 lấy 82.000 đồng.

+ Số lô 11: 100.000 đồng x 13 = 1.300.000 đồng; số 52: 100.000 đồng x 13 = 1.300.000 đồng; số 82: 100.000 đồng x 13 = 1.300.000 đồng. Tổng cộng 3.900.000 đồng.

Tổng số tiền T1 bán lô đề đài An Giang là 4.000.000 đồng, trừ huê hồng 18.000 đồng, T1 thu 3.982.000 đồng. Kết quả xổ số T2 thua hết số tiền trên. Kết quả xổ số T2 thua hết số tiền trên. Số tiền bị cáo T1 và T2 dùng vào việc đánh bạc đài An Giang là 4.000.000 đồng.

- Đài Hà Nội: Số lô 82: 50.000 đồng x 22 = 1.100.000 đồng. Kết quả xổ số T2 thua hết số tiền trên. Số tiền bị cáo T1 và T2 dùng vào việc đánh bạc đài Hà Nội là 1.100.000 đồng.

Ngoài ra, T1 còn tham gia mua lô đề của bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1985, cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng với số tiền là 58.000 đồng, gồm những con số cụ thể như sau: Số lô đá vòng (02 con) đài Sóc Trăng và Cần Thơ 38 – 83: 1000 đồng x 58 = 58.000 đồng (không nhớ ngày tháng chỉ biết cách ngày bị bắt quả tang khoảng 10 ngày). Kết quả xổ số T1 thua số tiền là 58.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Bùi Thị T1 và Võ Thị T2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi mua bán lô đề nêu trên.

Đối với vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo T1 gồm: 11 phơi đề, gồm các đài Miền Nam và Miền Bắc; 01 cây viết mực màu trắng xanh; 01 máy tính hiệu Casio màu vàng đồng; 01 cây thước kẻ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; tiền Việt Nam 2.982.000 đồng (trong đó 2.482.000 đồng là số tiền vi phạm quả tang; 500.000 đồng là do bị cáo tự nguyện nộp từ thu lợi bất chính). Cơ quan điều tra đã ra quyết định chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện M quản lý.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT.VKSMT ngày 23/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố các bị cáo Bùi Thị T1 và Võ Thị T2 về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

- Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Bùi Thị T1 và Võ Thị T2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo T1 làm chủ lô đề, đã 09 lần tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 32.460.000 đồng và bị cáo T2 có 06 lần tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 31.900.000 đồng. Trong các lần đánh bạc nêu trên, có 01 lần tham gia đánh bạc với số tiền từ 5.000.000 đồng trở lên nên đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Các bị cáo tham gia đánh bạc trái phép được thua bằng tiền nhưng không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, bị cáo T1 có người cậu ruột Nguyễn Văn C (Ba C) được nhà nước công nhận là liệt sỹ, bị cáo T2 có cha ruột Võ Văn T4 được nhà nước tặng huy chương kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ hạng nhất. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Bùi Thị T1, Võ Thị T2 và đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thị T1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm; xử phạt bị cáo Võ Thị T2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 tháng đến 01 năm 06 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án.

Đối với Nguyễn Thị Thùy A và Huỳnh Thị M cùng tham gia đánh bạc với bị cáo T1, quá trình điều tra, số tiền các lần A, M đánh bạc với T1 không đủ định lượng cấu thành tội đánh bạc nên không có căn cứ xử lý về hình sự. Riêng những người mà bị cáo T1 khai có bán số lô đề nhưng không biết họ, tên, địa chỉ với số tiền 1.539.000 đồng nên không có đủ căn cứ để xem xét xử lý.

Bị cáo T1 tranh luận: Gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo xin được giảm nhẹ tội.

Bị cáo T2 tranh luận: Bị cáo lỡ lần đầu, bị cáo bỏ luôn, không chơi nữa.

Bị cáo T1 nói lời nói sau cùng: Xem xét cho bị cáo nhẹ tội, cho bị cáo được ở ngoài nuôi con.

Bị cáo T2 nói lời nói sau cùng: Cho bị cáo được ở ngoài.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] **Về tố tụng:**

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Thùy A đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Nguyễn Thị Thùy A.

[2] **Về nội dung:**

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Bùi Thị T1 và Võ Thị T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản vi phạm quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập được nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định:

[4] Vào khoảng 17 giờ 40 phút ngày 10 tháng 12 năm 2017, lực lượng công an huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã kiểm tra, bắt quả tang Bùi Thị T1, sinh năm 1967, cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đang tổng hợp phơi đề tại nhà của mình (thuộc ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng). Tang vật thu được gồm: 11 (mười một) phơi đề có chữ ký xác nhận của bị cáo T1, 01 (một) cây viết mực màu trắng xanh, 01 (một) máy tính hiệu Casio màu vàng đồng, 01 (một) cây thước kẻ, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, tiền Việt Nam là 2.482.000 đồng (hai triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng). Việc mua, bán số đề và lô đề của bị cáo T1 với cách thức chơi như đã nêu tại phần nội dung vụ án.

[5] Vào ngày 10 tháng 12 năm 2017, bị cáo Thuận đã bán lô đề cho Nguyễn Thị Thùy A, sinh năm 1989, cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, gồm các con số như sau:

[5.1] **- Đài Kiên Giang và Tiền Giang:**

+ Số đề 00: Đầu 5000 đồng, đuôi 5000 đồng x 2 đài = 20.000 đồng. T1 cho tiền huê hồng A là 2.000 đồng;

+ Số lô 00: 2000 đồng x 14 x 2 đài = 56.000 đồng;

+ Số đá vòng (02 con) 66 – 52: 1000 đồng x 32 x 2 đài = 64.000 đồng;

+ Số đá vòng (03 con) 03 – 30 – 70: 500 đồng x 96 x 2 đài = 96.000 đồng; 67 – 32 – 96: 500 đồng x 96 x 2 đài = 96.000 đồng; 30 – 68 – 77: 500 đồng x 96 x 2 đài = 96.000 đồng.

Kết quả xổ số A thua cả 2 đài, sau khi trừ tiền huê hồng 2.000 đồng (số đề), A trả đủ cho T1 số tiền là 426.000 đồng.

[5.2] **- Đài Miền Bắc:**

+ Số lô 00: 3000 đồng x 22 = 66.000 đồng;

+ Số đá vòng (03 con) 00 – 77 – 61: 500 đồng x 66 = 33.000 đồng; 67 – 32 - 96: 500 đồng x 66 = 33.000 đồng.

Tổng cộng 132.000 đồng.

[5.3] Khoảng 17 giờ 40 cùng ngày, khi bị cáo T1 đang tổng hợp phơi đề đài Miền Bắc tại nhà của mình thì bị Công an huyện M bắt quả tang. Như vậy, ngày 10 tháng 12 năm 2017, T1 và A tham gia đánh bạc với nhau với số tiền là 560.000 đồng.

[5.4] - Trong ngày 10 tháng 12 năm 2017, ngoài bán số lô cho A thì T1 còn bán lô đề cho nhiều người khác trên địa bàn xã L nhưng không nhớ họ tên, địa chỉ, con số cụ thể mà chỉ nhớ đài Kiên Giang như sau:

+ Số đề: Số tiền là 197.000 đồng;

+ Số lô: Số tiền là 728.000 đồng;

+ Số đá vòng (02 con và 03 con): Số tiền là 424.000 đồng.

Kết quả xổ số người mua trúng được số tiền là 140.000 đồng, an ủi được 50.000 đồng. T1 chưa có chung tiền cho người mua.

Số tiền T1 bán lô đề đài Kiên Giang là 1.539.000 đồng.

Tổng số tiền T1 thu được từ bán số lô đề ngày 10/12/2017 là 2.482.000 đồng.

[6] Trong quá trình điều tra, bị cáo T1 khai nhận ngoài việc bán lô đề bị bắt quả tang trong ngày 10 tháng 12 năm 2017, thì bị cáo còn bán lô đề cho Võ Thị T2 cụ thể như sau:

[6.1] *** Ngày 05 tháng 12 năm 2017:**

[6.1.1] **- Đài Bạc Liêu:**

+ Số đề 11: 100.000 đồng đầu, 100.000 đồng đuôi; số 05: 100.000 đồng đầu, 100.000 đồng đuôi. Tổng cộng 400.000 đồng, trừ tiền huê hồng 72.000 đồng, T1 thu 328.000 đồng;

+ Số lô 11: 100.000 đồng x 13 = 1.300.000 đồng; số 05: 100.000 đồng x 13 = 1.300.000 đồng; số 55: 100.000 đồng x 13 = 1.300.000 đồng. Tổng cộng 3.900.000 đồng.

Tổng số tiền T1 bán lô đề đài Bạc Liêu là 4.300.000 đồng, trừ huê hồng 72.000 đồng, T1 thu 4.228.000 đồng. Kết quả xổ số T2 thua hết số tiền trên. Số tiền bị cáo T1 và T2 dùng vào việc đánh bạc đài Bạc Liêu là 4.300.000 đồng.

[6.1.1] **- Đài Hà Nội:** Số lô 55: 200.000 đồng x 22 = 4.400.000 đồng. Kết quả xổ số T2 trúng được số tiền là 16.000.000 đồng. Số tiền bị cáo T1 và T2 dùng vào việc đánh bạc đài Hà Nội là 20.400.000 đồng.

[6.2] *** Ngày 06 tháng 12 năm 2017:**

[6.2.1] **- Đài Sóc Trăng:**

+ Số đề 82: 200.000 đồng đầu, 200.000 đồng đuôi. Tổng cộng 400.000 đồng, trừ huê hồng 72.000 đồng, T1 thu 328.000 đồng.

+ Số lô 82: 50.000 đồng x 13 = 650.000 đồng;

Tổng số tiền T1 bán lô đề đài Sóc Trăng là 1.050.000 đồng, trừ huê hồng 72.000 đồng, T1 thu 978.000 đồng. Kết quả xổ số T2 thua hết số tiền trên. Số tiền bị cáo T1 và T2 dùng vào việc đánh bạc đài Sóc Trăng là 1.050.000 đồng.

[6.2.2] **- Đài Cần Thơ:**

+ Số đề 82: 200.000 đồng đầu, 200.000 đồng đuôi. Tổng cộng 400.000 đồng, trừ huê hồng 72.000 đồng, T1 thu 328.000 đồng.

+ Số lô 82: 50.000 đồng x 13 = 650.000 đồng;

Tổng số tiền T1 bán lô đề đài Cần Thơ là 1.050.000 đồng, trừ huê hồng 72.000 đồng, T1 thu 978.000 đồng. Kết quả xổ số T2 thua hết số tiền trên. Số tiền bị cáo T1 và T2 dùng vào việc đánh bạc đài Cần Thơ là 1.050.000 đồng.

[6.3] *** Ngày 07 tháng 12 năm 2017:**

[6.3.1] **- Đài An Giang:**

+ Số đề 52: 50.000 đồng đầu, 50.000 đồng đuôi. Tổng cộng 100.000 đồng, trừ huê hồng 18.000 đồng, T1 lấy 82.000 đồng.

+ Số lô 11: 100.000 đồng x 13 = 1.300.000 đồng; số 52: 100.000 đồng x 13 = 1.300.000 đồng; số 82: 100.000 đồng x 13 = 1.300.000 đồng. Tổng cộng 3.900.000 đồng.

Tổng số tiền T1 bán lô đề đài An Giang là 4.000.000 đồng, trừ huê hồng 18.000 đồng, T1 thu 3.982.000 đồng. Kết quả xổ số T2 thua hết số tiền trên. Kết quả xổ số T2 thua hết số tiền trên. Số tiền bị cáo T1 và T2 dùng vào việc đánh bạc đài An Giang là 4.000.000 đồng.

[6.3.2] **- Đài Hà Nội:** Số lô 82: 50.000 đồng x 22 = 1.100.000 đồng. Kết quả xổ số T2 thua hết số tiền trên. Số tiền bị cáo T1 và T2 dùng vào việc đánh bạc đài Hà Nội là 1.100.000 đồng.

[6.4] Ngoài ra, bị cáo T1 còn tham mua lô đề của bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1985, cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng với số tiền là 58.000 đồng, gồm những con số cụ thể như sau: Số lô đá vòng (02 con) đài Sóc Trăng và Cần Thơ 38 – 83: 1000 đồng x 58 = 58.000 đồng (không nhớ ngày tháng chỉ biết cách ngày bị bắt quả tang khoảng 10 ngày). Kết quả xổ số T1 thua số tiền là 58.000 đồng.

[7] Như vậy, bị cáo T1 làm chủ lô đề, đã 09 lần tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 34.630.000 đồng và bị cáo T2 có 06 lần tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 31.900.000 đồng. Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát xác định tổng số tiền bị cáo T1 tham gia đánh bạc 32.460.000 đồng là chưa đúng với thực tế nên Hội đồng xét xử xác định lại, tổng số tiền bị cáo T1 tham gia đánh bạc là 34.630.000 đồng cho đúng với thực tế.

[8] Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 của Bộ luật hình sự thì:

[8.1] Tại khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết quy định: "Khi xác định tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc cần phân biệt: a) ….; b) Trường hợp đánh bạc dưới hình thức chơi số đề, cá độ bóng đá, cá độ đua ngựa... thì một lần chơi số đề, một lần cá độ bóng đá, một lần cá độ đua ngựa... (để tính là một lần đánh bạc) được hiểu là tham gia chơi trong một lô đề, tham gia cá độ trong một trận bóng đá, tham gia cá độ trong một kỳ đua ngựa... trong đó người chơi có thể chơi làm nhiều đợt. Trách nhiệm hình sự được xác định đối với người chơi một lần đánh bạc trong các trường hợp này là tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng để chơi trong các đợt đó";

[8.2] Tại khoản 5 Điều 1 của Nghị quyết quy định: "Việc xác định số tiền hoặc giá trị hiện vật của người chơi đề, cá độ và của chủ đề, chủ cá độ dùng đánh bạc dưới hình thức chơi số đề, cá độ bóng đá, cá độ đua ngựa... như sau:

5.1. Xác định số tiền hoặc giá trị hiện vật của người chơi đề, cá độ dùng đánh bạc

a) Trường hợp người chơi số đề, cá độ có trúng số đề, thắng cược cá độ thì số tiền mà họ dùng đánh bạc là tổng số tiền mà họ đã bỏ ra để mua số đề, cá độ cộng với số tiền thực tế mà họ được nhận từ chủ đề, chủ cá độ.

b) Trường hợp người chơi số đề, cá độ không trúng số đề, không thắng cược cá độ hoặc bị phát hiện, ngăn chặn trước khi có kết quả mở thưởng thì số tiền mà họ dùng đánh bạc là tổng số tiền mà họ đã bỏ ra để mua số đề, cá độ.

5.2. Xác định số tiền hoặc giá trị hiện vật của chủ đề, chủ cá độ dùng đánh bạc

a) Trường hợp có người chơi số đề, cá độ trúng số đề, thắng cược cá độ thì số tiền chủ đề, chủ cá độ dùng đánh bạc là toàn bộ số tiền thực tế mà chủ đề, chủ cá độ đã nhận của những người chơi số đề, cá độ và số tiền mà chủ đề, chủ cá độ phải bỏ ra để trả cho người trúng (có thể là một hoặc nhiều người).

b) Trường hợp không có người chơi số đề, cá độ trúng số đề, thắng cược cá độ hoặc bị phát hiện, ngăn chặn trước khi có kết quả mở thưởng, kết quả bóng đá, kết quả đua ngựa... thì số tiền chủ đề, chủ cá độ dùng đánh bạc là tổng số tiền mà chủ đề, chủ cá độ đã nhận của những người chơi số đề, cá độ".

[9] Căn cứ theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định *"Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ **hai triệu đồng** đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm"*. Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định *"Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ **5.000.000 đồng** đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*.

[10] Căn cứ vào các quy định trên thì, vào ngày 05 tháng 12 năm 2017, bị cáo T2 đánh bạc đài Hà Nội, mua số lô 55: 200.000 đồng x 22 = 4.400.000 đồng do bị cáo T1 bán cho bị cáo T2. Kết quả xổ số ngày 05 tháng 12 năm 2017 bị cáo T2 trúng được số tiền là 16.000.000 đồng. Như vậy, số tiền bị cáo T1 và bị cáo T2 dùng vào việc đánh bạc trong một lần chơi này là: 20.400.000 đồng. Do đó, có đủ

căn cứ kết luận các bị cáo Bùi Thị T1 và Võ Thị T2 phạm tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Các lần đánh bạc khác nêu trên giữa bị cáo T1 với bị cáo T2 không đủ định lượng 5.000.000 đồng trong một lần đánh bạc nên không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[11] Do quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có lợi cho các bị cáo nên việc áp dụng điều khoản tương ứng của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo hướng có lợi để xem xét hành vi phạm tội của các bị cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để làm căn cứ quyết định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[12] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự của xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, là mầm mống phát sinh một số tội phạm khác. Các bị cáo tham gia đánh bạc trái phép được thua bằng tiền nhưng không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, cần phải có hình phạt thật nghiêm đối với các bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Để xem xét quyết định hình phạt đối với các bị cáo, căn cứ vào Điều 20 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

[12.1] Đối với bị cáo Bùi Thị T1: Bị cáo là người làm chủ lô đề nên bị cáo là người phải chịu trách nhiệm với mức hình phạt tù cao hơn so với bị cáo T2. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp một phần số tiền do thu lợi bất chính mà có, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, có người thân là ông Nguyễn Văn C (Ba C), cậu ruột của bị cáo được nhà nước công nhận là liệt sỹ, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[12.2] Đối với bị cáo Võ Thị T2: Bị cáo biết bị cáo T1 bán số đề nhưng bị cáo không tố giác hành vi vi phạm của bị cáo T1 mà còn mua số đề do bị cáo T1 bán. Do hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo cũng phải

chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Do đó, bị cáo cũng phải chịu hình phạt tù thật nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, có cha ruột là ông Võ Văn T4 được nhà nước tặng huy chương kháng chiến chống Pháp và Mỹ hạng nhất, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[13] Tại phiên toà sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị:

[13.1] - Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Bùi Thị T1, Võ Thị T2 và đề nghị xử phạt bị cáo T1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm; xử phạt bị cáo T2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13.2] - Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) cây viết mực màu trắng xanh, 01 (một) cây thước kẻ; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy tính hiệu Casio màu vàng đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và số tiền Việt Nam là 2.982.000 đồng. Đối với 11 phơi đề thu giữ khi bắt quả tang, có chữ ký xác nhận của bị cáo T1, đây là vật chứng trực tiếp liên quan đến vụ án nên đề nghị lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[14] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Bùi Thị T1 và Võ Thị T2 có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, chưa bao giờ bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, có khả năng tự cải tạo, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội và phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo (Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó,

Hội đồng xét xử quyết định xử các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 cho các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước mà cố gắng cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[15] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng". Căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt các bị cáo hình phạt tiền là hình phạt bổ sung như sau: Phạt bị cáo Bùi Thị T1 số tiền 5.000.000 đồng, phạt bị cáo Võ Thị T2 số tiền 3.000.000 đồng.

[16] Về xử lý vật chứng của vụ án: Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Căn cứ vào khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử lý:

[17.1] - 01 (một) cây viết mực màu trắng xanh, 01 (một) cây thước kẻ, đây là các công cụ, phương tiện bị cáo T1 dùng vào việc phạm tội, xét thấy không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy;

[17.2] - 01 (một) máy tính hiệu Casio màu vàng đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, đây là các công cụ, phương tiện bị cáo T1 dùng vào việc phạm tội, xét thấy có giá trị, sử dụng được nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[17.3] Số tiền Việt Nam là 2.482.000 đồng, xét thấy số tiền trên bị cáo T1 thu được do đánh bạc mà có nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[17.4] Các vật chứng nêu trên do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã thu giữ theo quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 09/QĐ ngày 25 tháng 4 năm 2018. Hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

[18] Đối với 11 (mười một) phơi đề thu giữ khi bắt quả tang, có chữ ký xác nhận của bị cáo T1, đã được Cơ quan cảnh sát điều tra lưu giữ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tài liệu, chứng cứ trực tiếp liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[19] Đối với số tiền mà bị cáo T1 có được từ việc bị cáo T2 mua số lô đề từ bị cáo T1 với số tiền tổng cộng là 15.706.000 đồng và số tiền mà bị cáo T2 nhận được từ bị cáo T1 trả tiền trúng số lô đề đài Hà Nội vào ngày 05/12/2017 với số tiền là 16.000.000 đồng, bị cáo T1 đã trả đủ cho bị cáo T2. Đây là số tiền do các

bị cáo thu lợi bất chính từ việc đánh bạc mà có nên cần phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Vì vậy, Hội đông xét xử buộc bị cáo T1 phải nộp số tiền do thu lợi bất chính mà có là 15.706.000 đồng được trừ vào số tiền bị cáo tự nguyện nộp trước là 500.000 đồng (theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 10/12/2017 và quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 09/QĐ ngày 25 tháng 4 năm 2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M), bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 15.206.000 đồng; buộc bị cáo T2 phải nộp số tiền do thu lợi bất chính mà có là 16.000.000 đồng.

[20] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Nguyễn Thị Thùy A và Huỳnh Thị M cùng tham gia đánh bạc với bị cáo T1, quá trình điều tra, số tiền các lần A, M đánh bạc với T1 không đủ định lượng cấu thành tội đánh bạc nên không có căn cứ xử lý về trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Huỳnh Thị M khai là chưa bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt về hành vi đánh bạc là bán số đề cho bị cáo T1. Như vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú chưa xem xét xử lý về hành chính đối với hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị Thùy A và Huỳnh Thị M nên kiến nghị đến Cơ quan Công an huyện M xem xét xử lý hành chính đối với hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị Thùy A và Huỳnh Thị M theo quy định của pháp luật. Riêng những người mà bị cáo T1 khai có bán số lô đề nhưng không biết họ, tên, địa chỉ với số tiền 1.539.000 đồng nên không có đủ căn cứ để xem xét xử lý.

[21] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, các bị cáo Bùi Thị T1 và Võ Thị T2 là người bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị T1 và bị cáo Võ Thị T2 (tên gọi khác: T3) phạm tội "Đánh bạc".

1.1. Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Thị T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 12 tháng 11 năm 2018).

Giao bị cáo Bùi Thị T1 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

1.2. Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Võ Thị T2 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 12 tháng 11 năm 2018).

Giao bị cáo Võ Thị T2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

2.1. Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) cây viết mực màu trắng xanh, 01 (một) cây thước kẻ, theo quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 09/QĐ ngày 25 tháng 4 năm 2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M;

2.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) máy tính hiệu Casio màu vàng đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; tiền Việt Nam 2.482.000 đồng (hai triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng), theo quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 09/QĐ ngày 25 tháng 4 năm 2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M.

3. Buộc bị cáo Bùi Thị T1 nộp số tiền do thu lợi bất chính mà có 15.706.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng) được trừ vào số tiền bị cáo tự nguyện nộp trước 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 15.206.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng); buộc bị cáo Võ Thị T2 phải nộp số tiền do thu lợi bất chính mà có 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, các bị cáo Bùi Thị T1 và Võ Thị T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo, các đương sự;
- VKSND huyện M;
- CAND huyện M (CQTHAHS, Đội điều tra);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn